SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Kỹ thuật điện tử**
Ngành: **Điện công nghiệp**
Lớp: **12ĐC1**
Giờ thi:**13h30**
Khóa: **08 (2012 - 2014)**
Ngày thi: **16/06/2013**
Thi lần: **1**
Học kỳ: **II**
Năm học: **2012 - 2013**
Phòng thi:**A3.1**

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	12ĐC1001	Lưu Văn Bích	An	02/02/1994	8.0		8.0		8.0	1		8	tám	
2	12ĐC1002	Bùi Hoàng	Anh	05/23/1989	7.0		7.0		7.0	1		7,5	bảy	rưỡi
3	12ĐC1003	Phạm Hữu	Chí	24/04/1994	8.0		7.5		7.7	1		5,5	năm	rưỡi
4	12ĐC1004	Ngô Trung	Công	22/08/1994	8.0		8.0		8.0	2		6	Sáu	
5	~~12ĐC1008~~	~~Huỳnh Tấn~~	~~Đạt~~	~~10/02/1993~~	~~6.5~~		~~6.5~~		~~6.5~~		Vắng			
6	12ĐC1009	Nguyễn Trường	Duy	10/01/1994	7.0		7.0		7.0	1		6	Sáu	
7	12ĐC1010	Nguyễn Thanh	Hải	01/11/1993	7.0		6.0		6.3	2		7,5	bảy	rưỡi
8	12ĐC1014	Nguyễn Quang	Huy	27/02/1994	8.5		8.0		8.2	2		9	chín	
9	~~12XD1013~~	~~Kiều Tuấn~~	~~Huy~~	~~05/01/1993~~	~~7.0~~		~~6.5~~		~~6.7~~		Vắng			
10	12ĐC1015	Nguyễn Ngọc	Khang	10/04/1993	7.0		6.5		6.7	1		5,5	năm	rưỡi
11	12ĐC1017	Trần Đình	Khoa	24/02/1994	8.0		8.0		8.0	1		9	chín	
12	12ĐC1018	Huỳnh Quốc	Khương	11/06/1994	8.5		8.5		8.5	2		8,5	tám	rưỡi
13	~~12ĐC1019~~	~~Hoàng Văn~~	~~Long~~	~~07/06/1993~~	~~7.0~~		~~6.0~~		~~6.3~~		Vắng			
14	~~12ĐC1020~~	~~Nguyễn Như~~	~~Miên~~	~~29/01/1992~~	~~7.0~~		~~6.5~~		~~6.7~~		Vắng			
15	~~12ĐC1021~~	~~Nguyễn Huy~~	~~Nam~~	~~27/05/1993~~	~~6.0~~		~~6.5~~		~~6.3~~		Vắng			
16	~~12ĐC1047~~	~~Trần Tấn~~	~~Phát~~	~~19/04/1994~~	~~7.0~~		~~6.5~~		~~6.7~~		Vắng			
17	~~12ĐC1027~~	~~Nguyễn Ánh~~	~~Sáng~~	~~10/04/1993~~	~~7.0~~		~~6.0~~		~~6.3~~		Vắng			
18	12ĐC1032	Trần Phát	Tài	24/11/1993	8.0		8.0		8.0	1		6,5	Sáu	rưỡi
19	12ĐC1033	Nguyễn Đức	Tâm	25/05/1989	7.0		6.5		6.7	2		5,5	năm	rưỡi
20	12DC2038	Nguyễn Anh	Tiến	14/06/1992	9.0		9.0		9.0	2		9	chín	
21	12ĐC1039	Đặng Ngọc	Trân	29/06/1993	7.0		7.0		7.0	1		6,5	Sáu	rưỡi
22	12ĐC1043	Trần Đình	Văn	25/12/1993	8.0		8.0		8.0	2		6,5	Sáu	rưỡi
23	12ĐC1044	Nguyễn Hữu	Vinh	04/04/1992	6.5		6.5		6.5	1		3,5	ba	rưỡi

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
~~24~~	~~12ĐC1046~~	~~Lê Văn Ý~~	~~16/06/1993~~	~~7.0~~		~~6.0~~		~~6.3~~	1	Vắng			~~XT~~

Tổng số: **24** thí sinh.

Tp.HCM, ngày 12 tháng 06 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG 12/6/2013
(Duyệt)

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ-KỸ THUẬT SÀI GÒN

ThS. Nguyễn Việt Dũng

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Như Quỳnh

+ Số thí sinh có mặt:.....16
+ Số thí sinh vắng mặt:.....8
+ Số bài thi:.....16
+ Số tờ giấy thi:...23

Ghi chú :

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
* Ngày giao - nhận:.....
* Người giao *(Ký, họ tên)*:.....
* Người nhận *(Ký, họ tên)*:.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Châm

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Vũ Thị Thiên

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Nguyễn Tấn Việt

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)